

Đ, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Phương L và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung:* Chị Lê Thị Phương L và anh Lê Văn T có 01 (một) con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 13/4/2012. Hiện con chung Lê Tuấn A đang sống cùng chị Lê Thị Phương L.

Giao cho chị Lê Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Tuấn A, sinh ngày 13/4/2012 (như nguyện vọng của con) đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình kể từ ngày 12 tháng 01 năm 2024.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Tuấn A, sinh ngày 13/4/2012 mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng

lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu từ tháng 01 năm 2024.

Anh Lê Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Lê Thị Phương L.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Lê Thị Phương L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu anh Lê Văn T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì chị Lê Thị Phương L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Văn T.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định về việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Lê Thị Phương L và anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Lê Thị Phương L tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004112 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị Phương L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quang Đức**

